



21171-4 Nắp máy, thử áp suất (lần đầu)

Nắp máy đã được tháo

Điều kiện tiên quyết:

Lưu ý:

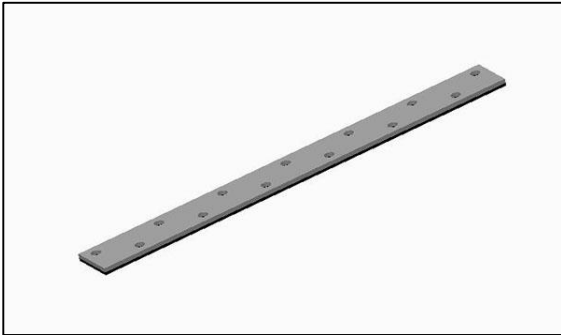
Hình ảnh minh họa có thể hơi khác so với xe thực tế đang được bảo dưỡng. Tuy nhiên, các thành phần chính được đề cập trong thông tin này được thể hiện chính xác nhất có thể.

Lưu ý:

Tất cả các ốc vít có ren không có thông số kỹ thuật về mô-men xoắn siết chặt trong thông tin đều được siết chặt đến mô-men xoắn tiêu chuẩn. Mô-men xoắn tiêu chuẩn có sẵn trong thông số kỹ thuật sau. ➡ Mô-men xoắn siết chặt tiêu chuẩn

Công cụ đặc biệt:

- 88840464 - SEALING PLATE



- 88840467 - SEALING PLATE

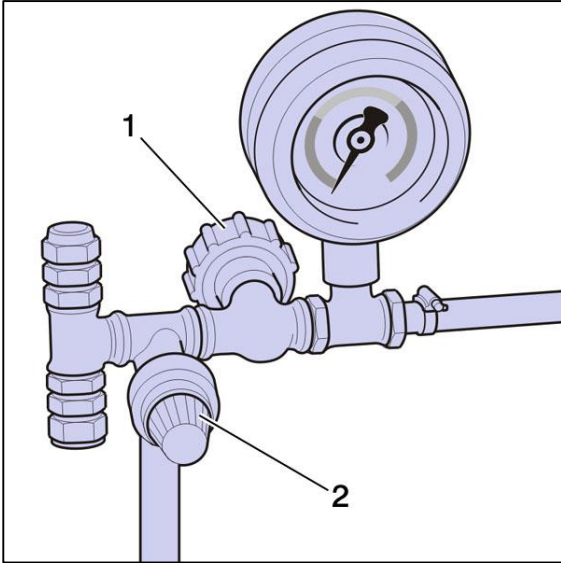


- 9996239 - LIFTING CHAIN



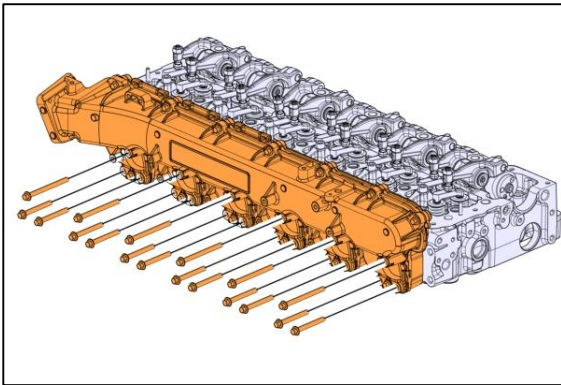


- 9996662 - PRESSURE GAUGE

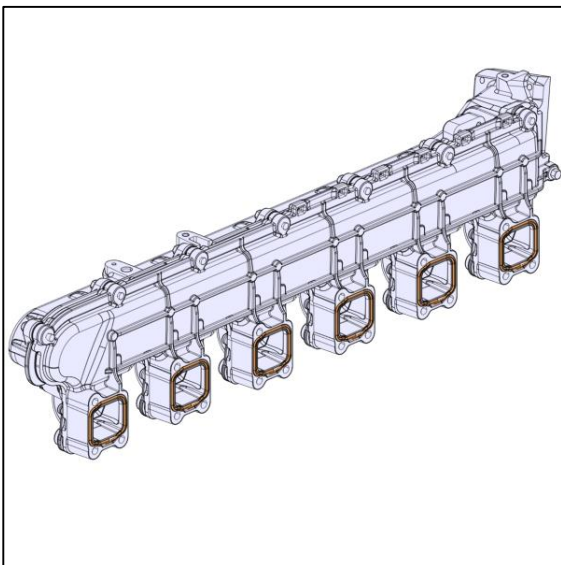


Các bước thực hiện:

1. Tháo các vít.
2. Tháo đường ống nạp

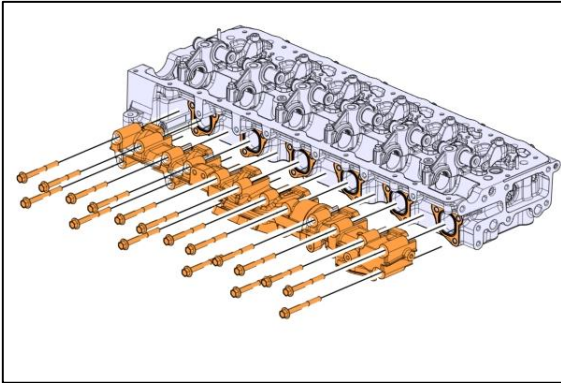


3. Tháo các gioăng



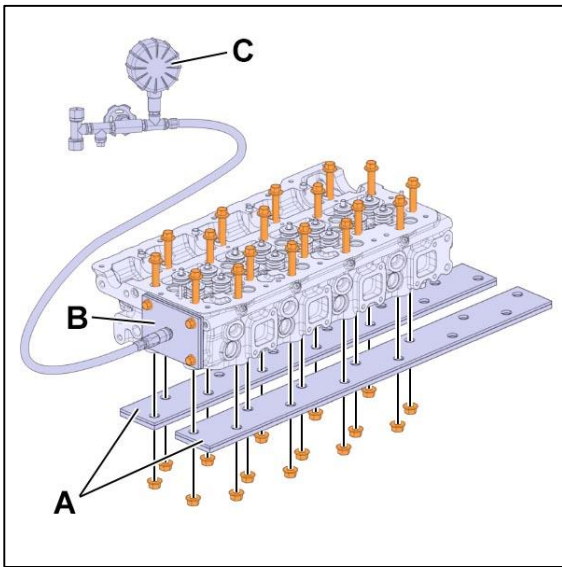


- 4. Vệ sinh bề mặt tiếp xúc.
- 5. Tháo các vít.
- 6. Tháo ống xả.
- 7. Tháo các miếng đệm



Lưu ý: Sử dụng các vít và đai ốc thích hợp
 Lưu ý: Đảm bảo rằng tất cả các lỗ đều được che đậy.
 Lắp đặt các công cụ.

| Vật liệu yêu cầu | |
|------------------|--------------------------|
| SEALING PLATE | 88840464 - SEALING PLATE |
| SEALING PLATE | 88840467 - SEALING PLATE |
| PRESSURE GAUGE | 9996662 - PRESSURE GAUGE |



| | |
|---|--------------------------|
| A | 88840464 - SEALING PLATE |
| B | 88840467 - SEALING PLATE |
| C | 9996662 - PRESSURE GAUGE |

- 9. Kết nối nguồn cung cấp ống khí.
- 10. Mở van khí (1).
- 11. Điều chỉnh áp suất bằng van giảm áp (2).

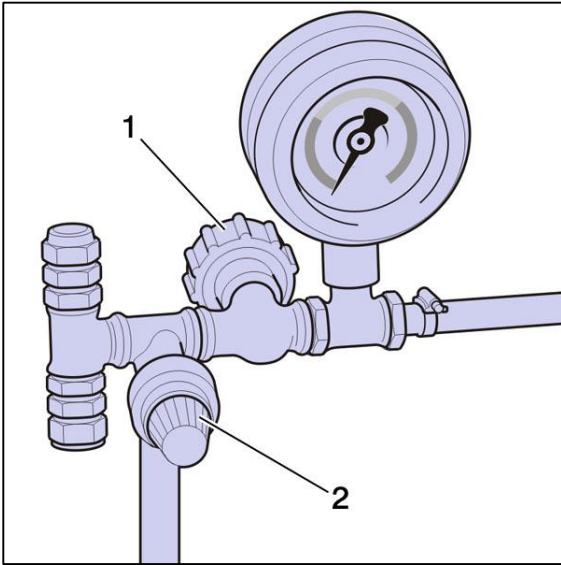
| Thông số kỹ thuật | |
|-------------------|---------|
| Áp suất kiểm tra | 100 kPa |

- 12. Đóng van khí (1)
- 13. Lưu ý: Đảm bảo rằng không có thất thoát áp suất
 Kiểm tra áp suất tại đồng hồ đo

| Thông số kỹ thuật | |
|--------------------------------------|--------|
| Nắp máy, áp suất kiểm tra, thời gian | 2 phút |

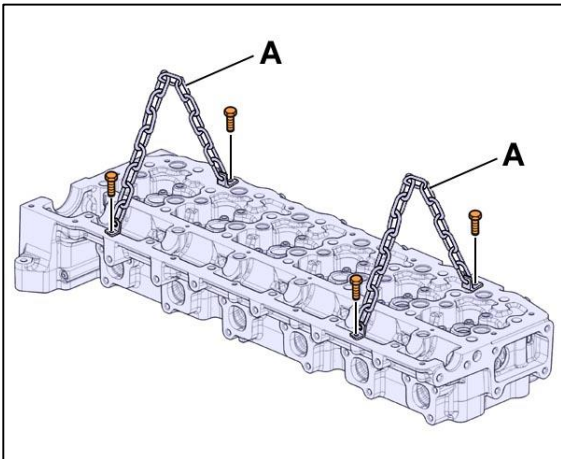


- 14. Mở van khí (1)
- 15. Sử dụng van (2) giảm áp suất



- 16. Sử dụng thiết bị nâng phù hợp
Lắp công cụ

| Vật liệu yêu cầu | | |
|------------------|-------------------------|-------|
| Xích nâng | 9996239 - LIFTING CHAIN | 2 cái |



- 17. Đổ đầy nước vào thùng chứa

| Thông số kỹ thuật | |
|---------------------------------|------|
| Nước trong thùng chứa, nhiệt độ | 70°C |

- 18. Nhúng nắp ámy vào bình chứa nước.
- 19. Mở van khí (1).
- Lưu ý: Duy trì áp suất trong một phút.
- 20. Điều chỉnh áp suất bằng van giảm áp (2).
- Điều chỉnh áp suất bằng van giảm áp (2).

| Thông số kỹ thuật | |
|-------------------|--------|
| Áp suất kiểm tra | 50 kPa |

- 21. Sử dụng van (2) tăng áp suất

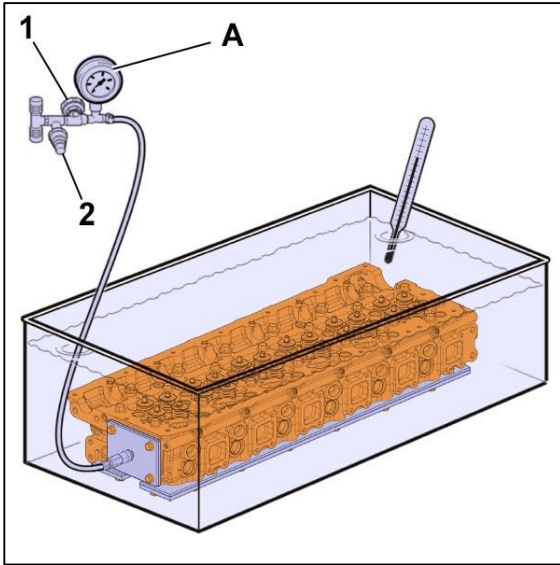
| Thông số kỹ thuật | |
|-------------------|---------|
| Áp suất kiểm tra | 150 kPa |

- 22. Đóng van khí (1).
- 23. Kiểm tra áp suất trong đồng hồ đo

| Thông số kỹ thuật | |
|--------------------------------------|--------|
| Nắp máy, áp suất kiểm tra, thời gian | 2 phút |

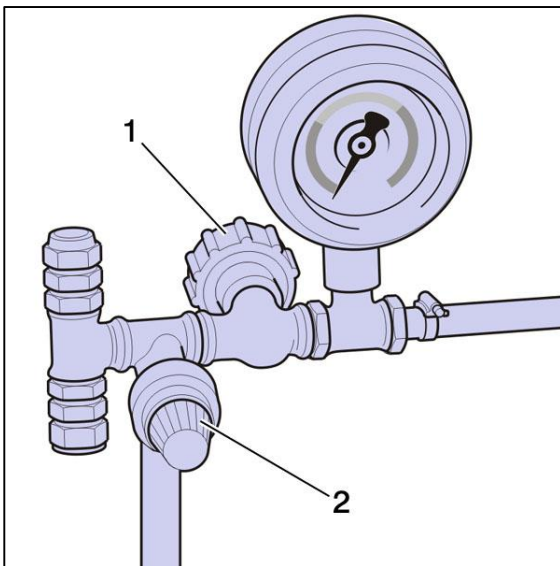


24. Kiểm tra bong bóng khí



25. Mở van khí (1).

26. Giảm áp suất bằng van (2)



27. Tháo nắp máy ra khỏi bình chứa nước.

28. Tháo các dụng cụ.

29. Cảnh báo:

Nguy cơ thương tích cá nhân.

Các hạt rời có thể bắn tung tóe và gây thương tích cho mắt. Làm việc với khí nén có thể gây suy giảm thính lực.

Luôn đeo kính bảo hộ và thiết bị bảo vệ thính lực khi làm việc với khí nén.

Lưu ý: Vệ sinh kỹ các đường dẫn nhiên liệu.

Lưu ý: Sử dụng khí nén

Làm khô nắp máy

30. Cảnh báo

Các hạt rời có thể bắn tung tóe và gây thương tích cho mắt. Làm việc với khí nén có thể gây suy giảm thính lực.

Luôn đeo kính bảo hộ và thiết bị bảo vệ thính lực khi làm việc với khí nén.

Nguy cơ hư hỏng vật liệu.

Nguy cơ tạp chất xâm nhập vào hệ thống nhiên liệu.

Đảm bảo điều kiện vệ sinh tối đa khi thực hiện bất kỳ công việc nào trên hệ thống nhiên liệu.

Nguy cơ chấn thương.

Chấn thương mắt.

Đeo kính bảo hộ.

Lưu ý: Sử dụng khí nén.

Làm sạch nắp máy

31. Làm sạch các bề mặt tiếp xúc



32. Cảnh báo

Nguy cơ thương tích cá nhân.

Các hạt rời có thể bắn tung tóe và gây thương tích cho mắt. Làm việc với khí nén có thể gây suy giảm thính lực.

Luôn đeo kính bảo hộ và thiết bị bảo vệ thính lực khi làm việc với khí nén.

Nguy cơ hư hỏng vật liệu.

Nguy cơ tạp chất xâm nhập vào hệ thống nhiên liệu.

Đảm bảo điều kiện vệ sinh tối đa khi thực hiện bất kỳ công việc nào trên hệ thống nhiên liệu.

Nguy cơ chấn thương.

Chấn thương mắt.

Đeo kính bảo hộ.

Lưu ý: Sử dụng phụ tùng mới

Lắp các gioăng

33. Lắp đường ống nạp

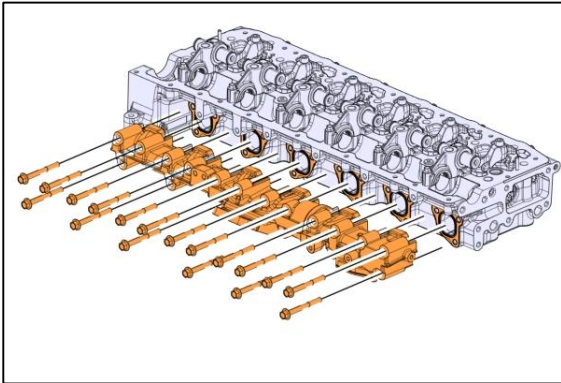
34. Lưu ý: sử dụng phụ tùng mới

Bôi trơn các vít

Vật liệu yêu cầu

Dummy GIE from AMT Migration

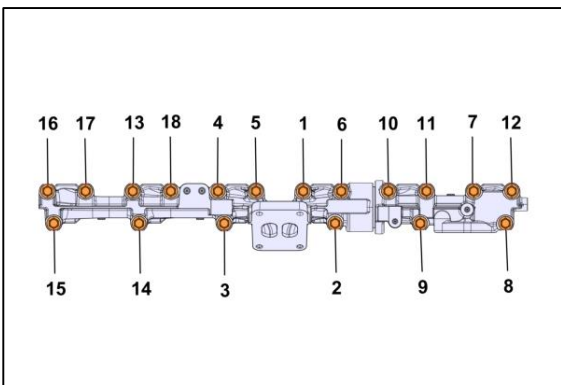
35. Lắp các vít



36. Siết các vít

Lực siết

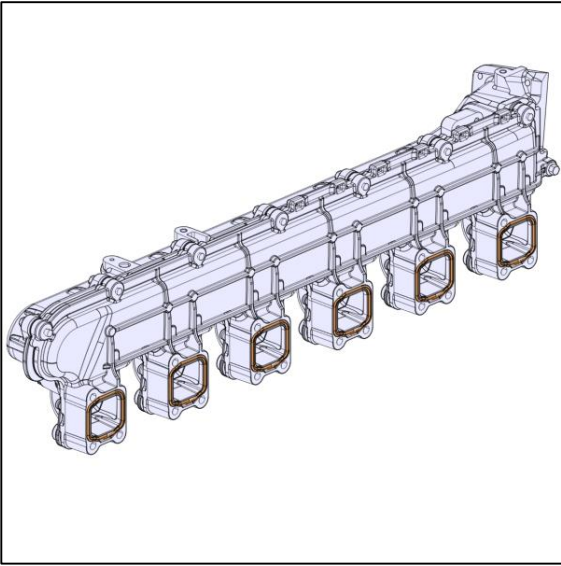
| | | |
|-------------------|---|----------------|
| Đường ống xả, vít | 1 | Lực siết: 1-18 |
| | | 5 – 10 Nm |
| | 2 | Lực siết: 1-18 |
| | | 40 ±4 Nm |
| | 3 | Lực siết: 1-18 |
| | | 52 ±4 Nm |



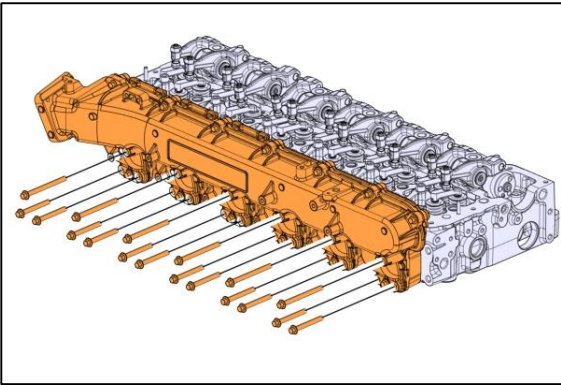
37. Vệ sinh bề mặt tiếp xúc cẩn thận.

38. Lưu ý: Sử dụng các bộ phận mới.

Lắp các gioăng



- 39. Lắp đường ống nạp.
- 40. Lắp vít



- 41. Siết các vít

| | |
|--------------------|----------------|
| Lực siết | |
| Đường ống nạp, vít | Lực siết: 1-18 |
| | 24 ±4 Nm |

